TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 01 - 2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Hương.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 469/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Số X, đường số Y, thôn Z, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: Số X, đường số Y, thôn Z, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Số E, khu phố F, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 04/01/2010, đăng ký kết hôn số 01. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà H,

mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu được ly hôn bà H.

Các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp do ông nhận thay thì ông đã giao lại tận tay cho bà H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung, ông bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/12/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị H đã trình bày:

- Bà và ông Phạm Văn N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 04/01/2010. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà đã ly thân 05 năm. Ông N yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý;

- Các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho bà, do bận công việc, lại ở xa nên bà đề nghị Tòa án giao cho ông Phạm Văn N nhận thay bà. Việc ông N nhận thay các văn bản tố tụng của bà được xem như bà đã nhận được;

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nhưng bị đơn không tham gia nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã V ngày 04/01/2010, đăng ký kết hôn số 01. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ông N đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Qua lời khai của nguyên đơn và bị đơn, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng ông bà phát sinh là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, thời gian ly thân đã lâu dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Mặt khác, Tòa án đã thông báo cho bà H lên Tòa án tham gia hòa giải nhưng bà không tham gia và đồng ý ly hôn, chứng tỏ bà không có ý định níu kéo cuộc hôn nhân này. Từ những phân tích trên, thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vì vậy xử cho ông N ly hôn bà H là phù hợp.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông N là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn N ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về án phí DSST: Ông Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012524 ngày 21 tháng 10 năm 2022. Ông N đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đức Linh;
- CCTHADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh;
- Lưu HSVA, QĐ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Ngọc Nghĩa